

**Phụ lục 02: Kế hoạch thu hồi đất năm 2020 của huyện Krông Búk**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh)*

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính						
				Xã Cư Né	Xã Chư KBô	Xã Cư Pong	Xã Ea Sin	Xã Pong Drang	Xã Tân Lập	Xã Ea Ngai
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>26.71</b>	<b>8.30</b>	<b>5.82</b>	<b>2.16</b>	<b>7.37</b>	<b>0.77</b>	<b>1.03</b>	<b>1.27</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0.91	0.29		0.32	0.20		0.10	
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>0.71</i>	<i>0.29</i>		<i>0.32</i>			<i>0.10</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.75	1.75						
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	13.20	1.21	0.02	1.84	7.17	0.77	0.93	1.27
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	10.85	5.05	5.80					
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>2.19</b>	<b>0.00</b>	<b>0.00</b>	<b>0.58</b>	<b>0.50</b>	<b>0.55</b>		<b>0.55</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.69	0.00	0.00	0.58		0.55		0.55
2.2	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0.001			0.001				
2.3	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0.50				0.50			